TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33**/2015/HNGĐ-ST
Ngày: 24/12/2015
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Tống Quốc Thanh**

Hội thẩm nhân dân: **Ông Đỗ Mạnh Điền**

Bà Nguyễn Thị Xuân Thủy

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:

Bà Trần Thị Huyền Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên toà:

Bà Vũ Thị Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 12 năm 2015 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số 342/2015/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2015 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2015/QĐXX-ST ngày 09/12/2015 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T – SN 1990

ĐKHKTT: Phường CN, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Lê Đức B – SN 1975

ĐKHKTT: Phường CN, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Hiện đang cai nghiện tại trung tâm chữa bệnh GD-LĐXH số III Hà Nội.

(Đã có đơn đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt).

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2015, bản tự khai ngày 04/11/2015, và các biên bản hoà giải tại Tòa, chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Đức B kết hôn ngày 03/10/2010, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội). Sau khi kết hôn khoảng 01 năm chị T phát hiện anh B nghiện ma túy. Chị đã động viên để anh B đi cai nghiện 02 năm. Sau khi cai nghiện anh B trở về và tiếp tục tái nghiện sau 06 tháng. Anh B tiếp tục bị bắt buộc đi cai nghiện 04 năm. Hiện nay anh B đang cải tạo tại trung tâm chữa bệnh GD-LĐXH số III Hà Nội.

Do vợ chồng từ khi kết hôn không có nhiều thời gian dành cho nhau, anh B liên tục đi cai nghiện, không chịu tu dưỡng để cùng chị xây đắp hạnh phúc gia đình nên tình cảm của chị dần phai nhạt. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị tha thiết xin được ly hôn với anh Lê Đức B.

Về con chung: Chị T xác nhận chị và anh B có 01 con chung là Lê Nguyễn H, sinh ngày 28/9/2013, hiện con đang ở với chị . Giải quyết ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng do anh B hiện đang cai nghiện tại trại cai nghiện.

Về tài sản chung và nhà ở: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ: Anh chị không nợ ai và không cho ai vay.

Tại bản tự khai ngày anh Lê Đức B trình bày:

Quá trình vợ chồng anh chị kết hôn và chung sống như chị T trình bày là đúng. Anh xác nhận việc vợ chồng anh chị có mẫu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh bị đi cai nghiện bắt buộc. Vợ chồng anh ly thân từ ngày 28/3/2013. Trên thực tế thì tình cảm vợ chồng anh chị không còn, chị T làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lê Nguyễn H, sinh ngày 28/9/2013, hiện con đang ở với chị T. Ly hôn, anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hằng. Do anh đang cải tạo tại Trung tâm chữa bệnh giáo dục – lao động xã hội số III Hà Nội nên anh xin tạm hoãn trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nhà ở: Vợ chồng không có tài sản chung, nhà ở chung.

Về nợ: Vợ chồng anh chị không nợ ai, không cho ai vay.

Ngoài ra hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết gì khác.

Tại phiên toà, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình như đã trình bày và đề nghị tòa án giải quyết cho chị được việc ly hôn; được trực tiếp nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Quá trình thụ lý điều tra, giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm được quy định tại chương 14 Bộ luật tố tụng dân sự.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm - thành phố Hà Nội; Hội đồng xét xử thấy:

Chị T và anh B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên đều xác nhận: Vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B không chí thú làm ăn, sa vào nghiện ma túy phải đi cai nghiện kéo dài dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có tình cảm, không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2013 cho đến nay, hiện anh B vẫn đang tập trung cai nghiện, chị T xin ly hôn anh B cũng đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị T được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Đức B có 01 con chung là Lê Nguyễn H, sinh ngày 28/9/2013. Xét thấy anh B đang cải tạo tại Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội số III tại Hà Nội, không có khả năng nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục con chung nên cần giao cháu Lê Nguyễn H cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B hiện không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh B đến khi chị T có yêu cầu.

Về tài sản chung và nhà ở: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

Về nợ: Không có.

Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 131, 243, 245 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Đức B.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Đức B có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn H, sinh ngày 28/09/2013. Giao cháu Lê Nguyễn H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lê Đức B đến khi chị T có yêu cầu.

Anh B được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nhà ở: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Công nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 200.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai số AB/2014/03394 ngày 04/11/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm.

Án xử công khai, sơ thẩm. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Bắc Từ Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tống Quốc Thanh